TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2023/HS-ST
Ngày 20-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điêu Thị Kim Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Quàng Thị Hương;

Bà Vi Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Như Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 117/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử vụ án số: 118/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Lường Văn N, sinh ngày: 02/10/1966 tại huyện Q, tỉnh Sơn La. Nơi ĐKHKTT: X, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La; chỗ ở hiện nay: Bản P, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 64-QĐ/UBKTHU ngày 07/3/2023 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Q, tỉnh Sơn La; con ông Lường Văn S và bà Lò Thị S1; có vợ là Lò Thị O và 05 con (*con lớn nhất sinh năm 1984, con nhỏ nhất sinh năm 1996*); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/02/2023 đến nay. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Bùi Quang G, sinh năm 1975. Nơi cư trú: X1, thị trấn S2, huyện S2, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Quàng Văn H, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Bản S3, xã V, huyện V, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Chị Tòng Thị T, sinh năm 2001. Nơi cư trú: Bản K, xã X2, huyện M1, tỉnh Điện Biên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Lường Văn L, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Bản P, xã M, huyện Q,

tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ 00 phút ngày 20 tháng 02 năm 2023, Tổ công tác Phòng PC 04 Công an tỉnh Sơn La làm nhiệm vụ tại khu vực bản P, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La đã phát hiện tại phòng số 01 và phòng số 03 trong quán cơm phở, nghỉ trọ L1 do Lường văn N là chủ quản lý có 02 nam, 02 nữ gồm Bùi Quang G (*tức Nguyễn Mạnh H1*) và Lò Thị H2 (*Phòng số 01*), Quàng Văn H và Tòng Thị T (*Phòng số 03*) đang quan hệ tình dục. Bùi Quang G và Quàng Văn H khai nhận: G và H là bạn bè nên cùng nhau đi ăn cơm tại quán L1, thấy trong quán L1 có nhiều nhân viên nữ phục vụ, G nảy sinh ý định muốn mua dâm nên rủ H cùng mua dâm, H đồng ý. Sau đó G đã trao đổi với chủ quán là Lường Văn N để G và H mua dâm với nhân viên phục vụ trong quán với số tiền 300.000 đồng/người/lần mua bán dâm tại quán L1.

Tổ công tác đã lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lường Văn N. Vật chứng thu giữ gồm: 01 chiếc điện thoại di động, 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Lường Văn N; 300.000 đồng tạm giữ của Lường Văn N; 500.000 đồng tạm giữ của Tòng Thị T; 200.000 đồng tạm giữ của Bùi Quang G (*Nguyễn Mạnh H1*).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La đã tiến hành khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của Lường Văn N. Quá trình khám xét thu giữ 11.600.000 đồng; 01 chiếc ví giả da màu nâu; 05 quyển sổ ghi chép; 05 chiếc bao cao su.

Tại Cơ quan điều tra, Lường Văn N khai nhận:

Lường Văn N là chủ quán cơm phở, nghỉ trọ L1 ở bản P, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La. Năm 2021, N đầu tư chuỗi nhà hàng ăn uống, nghỉ trọ và dịch vụ vui chơi giải trí hát Karaoke. Quá trình làm dịch vụ, nhận thấy khách hàng khi đến ăn uống, nghỉ trọ thường có nhu cầu hỏi gái bán dâm nên N đã thuê nhân viên nữ là Lò Thị H2, Tòng Thị T làm bưng bê, phục vụ và bấm bài phòng hát, nếu khách có nhu cầu mua dâm thì các nhân viên nữ ai muốn bán dâm cho khách thì bán dâm luôn tại phòng nghỉ trọ của quán do N quản lý. N thỏa thuận với các nữ nhân viên phục vụ quán là N nuôi ăn ở, nếu phục vụ phòng hát thì 200.000 đồng/giờ (*nhân viên được hưởng 100.000 đồng, N hưởng 100.000 đồng*), còn nếu bán dâm cho khách thì gái bán dâm thu 300.000 đồng/lượt bán dâm (*gái bán dâm được hưởng 150.000đ còn N được hưởng 150.000đ/ lượt bán dâm*).

Ngày 20/02/2023, khi N đang ở quán L1 thì có Quàng Văn H và Bùi Quang G đến quán ăn cơm, uống rượu. Thấy quán có nhiều nhân viên nữ nên G và H đã mời Lò Thị H2 và Lù Thị C, sinh năm 2004, trú tại: Bản P, xã M2, huyện Q, tỉnh Sơn La ăn cơm, uống rượu cùng. Trong lúc ăn cơm, uống rượu cùng nhau, G nói chuyện và hỏi H2 "*có đi khách không*" (*ý G hỏi H2 là có bán*

dâm không), H2 trả lời "*có, giá 300.000 đồng một lượt là 30 phút*". Sau khi ăn cơm, uống rượu xong thì G và H vào phòng ngủ của N, G hỏi "*có cho nhân viên đi khách không, giá bao nhiêu*", N hiểu G hỏi mua dâm nhân viên của quán nên trả lời "*có đấy, giá đi nhanh là 300.000 đồng một lượt 30 phút, nếu cháu đi thì đưa tiền cho chú*". G đưa cho N một tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, N trả lại cho G 200.000 đồng, rồi N đi trước dẫn G và H đến phòng nhân viên nữ thì có H2 đi cùng G vào phòng nghỉ số 01, còn H đi vào phòng số 03 thì có T mở cửa cho H vào nên N đến phòng số 03 gõ cửa và hỏi T "*cháu đi khách à, tự thu tiền nhé*", T trả lời "*vâng*". Nghe thấy thế H đưa cho T một tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, T cầm tiền và nói "*tý xong em bảo ông N trả lại anh 200.000 đồng*". Khi H2 đang bán dâm cho G tại phòng số 01, T đang bán dâm cho H tại phòng số 03 thì bị Tổ công tác Phòng PC 04 Công an tỉnh Sơn La phát hiện, bắt quả tang và thu giữ vật chứng có liên quan.

Do có hành vi nêu trên, tại bản Cáo trạng số 71/CT-VKS-P2 ngày 08/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Lường Văn N về tội Chứa mại dâm theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Bị cáo Lường Văn N khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố và không khai báo gì thêm.

** Tranh luận tại phiên tòa:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lường Văn N từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 600.000 đồng. Tịch thu tiêu hủy 05 chiếc bao cao su. Trả lại cho Lường Văn N 01 chiếc điện thoại di động, 01 chứng minh nhân dân, 01 chiếc ví giả da màu nâu, 01 đầu thu dữ liệu Camera (*do Lường Văn L giao nộp*), 05 quyển sổ ghi chép, số tiền 11.600.000 đồng. Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Quàng Văn H số tiền 200.000 đồng, anh Bùi Quang G số tiền 200.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo Lường Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lường Văn L: Anh là con trai của Lường Văn N, khi bị cáo N bị cơ quan điều tra bắt giữ thì anh có giao nộp 01 đầu thu dữ liệu Camera, đó là tài sản của bị cáo N lắp để theo dõi an ninh cơ sở kinh doanh, không phải là tài sản của anh, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo N nên đề nghị trả lại cho bị cáo N.

Bị cáo Lường Văn N không có ý kiến tranh luận và xin Hội đồng xét xử

cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng

Tại phiên tòa, 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm: Anh Bùi Quang G, anh Quàng Văn H, chị Tòng Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo

Ngày 20/02/2023, Lường Văn N đã có hành vi thỏa thuận, để Bùi Quang G mua dâm Lò Thị H2, Quàng Văn H mua dâm Tòng Thị T với giá 300.000 đồng/người/lượt tại cơ sở kinh doanh của Lường Văn N là quán cơm phở, nghỉ trọ L1 tại bản P, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La thì bị Tổ công tác Phòng PC 04 Công an tỉnh Sơn La phát hiện, bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo được chứng minh bằng lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Tổ công tác Phòng PC 04 Công an tỉnh Sơn La lập hồi 21 giờ ngày 20/02/2023 tại bản P, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La đối với Lường Văn N; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Với các căn cứ chứng minh trên có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lường Văn N đã phạm vào tội Chứa mại dâm, theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La truy tố đối với bị cáo là có căn cứ.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi sử dụng cơ sở kinh doanh do mình quản lý để cho nữ nhân viên phục vụ của quán thực hiện hành vi bán dâm cho khách là trái pháp luật nhưng vì hám lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến việc xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh, trật tự

trị an xã hội, nên cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc trong quá trình công tác, được tặng thưởng nhiều Giấy khen, công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở, được tặng Bộ công an tặng Kỷ niệm chương "*Bảo vệ an ninh tổ quốc*", bố bị cáo ông Lường Văn S là người có công với nước, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về mức hình phạt áp dụng

Xét bị cáo phạm tội thuộc trường hợp có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, có nơi cư trú rõ ràng và có đủ điều kiện để được hưởng án treo nên mở lượng khoan hồng, áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng bảo đảm biện pháp cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và răn đe, phòng ngừa chung.

Do bị cáo đang bị tạm giam nên cần áp dụng Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[7] Về hình phạt bổ sung

Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) theo quy định tại khoản 5 Điều 327 Bộ luật Hình sự nhưng xét bị cáo không có điều kiện thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về hành vi và các đối tượng có liên quan trong vụ án

Đối với Lường Văn L là con trai của bị cáo Lường Văn N: Quá trình điều tra xác định L cùng N quản lý quán cơm phở, nghỉ trọ L1 nhưng L trực tiếp quản lý việc kinh doanh ăn uống, không biết, không tham gia cùng N trong hoạt động chứa mại dâm tại cơ sở kinh doanh nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối với Lường Văn L là đúng quy định.

Đối với hành vi mua dâm của Quàng Văn H và Bùi Quang G đã vi phạm khoản 1 Điều 24 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình; đối với hành vi bán dâm của Lò Thị H2 và Tòng Thị T đã vi phạm khoản 1 Điều 25 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày

31/12/2021 của Chính phủ nên Trưởng Công an huyện Q đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi mua dâm đối với Quàng Văn H và Bùi Quang G số tiền 1.500.000 đồng/đối tượng; xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi bán dâm đối với Lò Thị H2 và Tòng Thị T số tiền 400.000 đồng/đối tượng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[9] Về vật chứng

Đối với số tiền 600.000 đồng tiền mua bán dâm (*gồm 300.000 đồng thu giữ của bị cáo Lường Văn N và 300.000 đồng (trong tổng số tiền 500.000 đồng) thu giữ của chị Lò Thị T*): Xét đây là khoản thu lợi bất chính và phương tiện sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 05 chiếc bao cao su thu giữ của Lường Văn N: Xét không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 đầu thu dữ liệu Camera do Lường Văn L giao nộp, kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo Lường Văn N không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động, 01 chứng minh nhân dân, 01 chiếc ví giả da màu nâu, 05 sổ ghi chép, số tiền 11.600.000 đồng tạm giữ của Lường Văn N; số tiền 200.000 đồng thu giữ của anh Bùi Quang G và số tiền 200.000 đồng (*trong tổng số tiền 500.000 đồng*) thu giữ chị chị Lò Thị T (*số tiền T phải trả lại cho Quàng Văn H*): Xét không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho chủ sở hữu.

[10] Về án phí

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 327; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; các khoản 1, 2, 5 Điều 65; khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lường Văn N phạm tội Chứa mại dâm.

Xử phạt bị cáo Lường Văn N 12 (*Mười hai)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (*Hai mươi tư)* tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (*ngày 20/7/2023*).

Tuyên trả tự do cho bị cáo Lường Văn N ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Lường Văn N cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm

nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với bị cáo.

2. Về vật chứng

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

2.1. Tịch thu tiêu hủy: 05 (*năm*) chiếc bao cao su.

2.2. Trả lại cho bị cáo Lường Văn N:

- 01 (*một*) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO vỏ màu xanh than, có ốp lưng màu vàng, được niêm phong trong một chiếc phong bì do Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Sơn La phát hành, còn nguyên niêm phong.

- 01 (*một*) chứng minh nhân dân số 050401414 mang tên Lường Văn N.

- 01 (*một*) chiếc ví giả da màu nâu có chữ LEVIS, đã qua sử dụng.

- 01 (*một*) đầu thu dữ liệu Camera (*do Lường Văn L giao nộp*) được niêm phong trong một hộp vật chứng còn nguyên niêm phong.

- 05 (*năm*) sổ ghi chép được niêm phong trong một hộp vật chứng còn nguyên niêm phong.

2.3. Đối với 12.600.000 đồng (*mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng*) được niêm phong trong một chiếc phong bì do Phòng PC 09 Công an tỉnh Sơn La phát hành, còn nguyên niêm phong xử lý như sau:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 600.000 đồng (*sáu trăm nghìn đồng*).

- Trả lại cho bị cáo Lường Văn N 11.600.000 đồng (*mười một triệu sáu trăm nghìn đồng*).

- Trả lại cho anh Bùi Quang G 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).

- Trả lại cho anh Quàng Văn H 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).

(*Hiện trạng, đặc điểm vật chứng, tài sản theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập hồi 16 giờ 50 phút ngày 06/6/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La*)

3. Về án phí

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Lường Văn N phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền

án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo

Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*ngày 20/7/2023*).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Phòng PC 04 - Công an tỉnh Sơn La;
- Cơ quan hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Sơn La;
- UBND xã M, huyện Q;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký*)

Điêu Thị Kim Liên